

Bản án số: 167/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-11-2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông **Võ Văn Chính**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh ngày 01/01/1974 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 21/10/2022).

- Bị đơn: Ông **Biện Quốc G** - sinh năm: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 21/10/2022).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã D, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2022, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Biện Quốc G do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới thì vợ chồng bà sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 18 năm đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do ông G có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường hay cự cãi cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông G đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông G.

- Về con chung: Có một con chung tên Biện Thị Ngọc H, sinh ngày 19/12/1997. Chị H đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Biện Quốc G có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 21/10/2022, trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Biện Quốc G trình bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà T. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T.
- Về con chung: Có một con chung tên Biện Thị Ngọc H, sinh ngày 19/12/1997. Chị H đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Căn cước công dân; Sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh (bản sao); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Dịch vụ chuyển phát nhanh; Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa bà T và bị đơn ông Biện Quốc G, ông G có nơi cư trú tại ấp Đức Hòa, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1974, nơi cư trú: ấp Đức Hòa, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có sống chung như vợ chồng với ông Biện Quốc G, sinh năm 1973, cư ngụ: ấp Đức Hòa, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng không có đăng ký kết hôn nên mỗi

quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do bà T và ông G không có đăng ký kết hôn. Bà T và ông G có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, ông bà chung sống hạnh phúc được 18 năm đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông G có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường hay cự cãi cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T và ông G đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay với yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông G đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà T và ông G không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T và ông G thuận tình ly hôn nhưng do bà T và ông G không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý không công nhận bà T và ông G là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có một con chung tên Biện Thị Ngọc H, sinh ngày 19/12/1997. Chị H đã thành niên bà T và ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị T và ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Biện Quốc G là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Biện Thị Ngọc H, sinh ngày 19/12/1997. Chị Biện Thị Ngọc H đã thành niên bà Nguyễn Thị T và ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị T và ông Biện Quốc G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008775, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Thành Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh